

**TÒA ÁN NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN PHÙ CÁT                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/8/2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Phan Thanh Long

2. Ông: Tô Đình Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện VKSND huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2020 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M - K, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số nhà 999 – đường Đ, phường Y- Th, TP. P, tỉnh Gia Lai.

2- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn L - Đ, xã C - L, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

*(Nay chị K, anh T đều có mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M - K trình bày:*

-Về hôn nhân: Chị K với anh Nguyễn Ngọc T tìm hiểu được 01 năm thì đi

đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y - Th, TP. P, tỉnh Gia Lai ngày 18/3/2016 – hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại TP. P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên dần sau đó giữa chị và anh T phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, sống không còn hạnh phúc nữa. Anh T thường xuyên tụ tập bạn bè, uống rượu bia, rồi gây chuyện đánh đập vợ con, cuộc sống giữa 02 vợ chồng không có hạnh phúc, không thể dung hòa được, mâu thuẫn đến mức nghiêm trọng không thể giải quyết được, dẫn đến mâu thuẫn giữa bố mẹ, xui gia hai bên, anh T đã bỏ về quê ở Bình Định sống từ tháng 03/2020 dương lịch, chị và anh T đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp chung sống hạnh phúc được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

-Về con chung: Giữa chị với anh T có 02 con chung, đều là con gái, có tên là:

+Nguyễn Ngọc B - A – sinh ngày 12/4/2016

+Nguyễn Ngọc Q - G – sinh ngày: 13/5/2018

Các con đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị tha thiết xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến khi trưởng thành, vì các con là con gái, cần có sự chăm sóc của người mẹ. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*\*Bị đơn - anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

-Về hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị M - K, anh thống nhất như lời chị K trình bày. Hôn nhân giữa anh với chị K là hôn nhân tự nguyện, nhưng quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, dẫn đến cha mẹ 02 bên cũng mắc lòng nhau, anh và chị K sống không còn hạnh phúc nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể nào hàn gắn để chung sống được nữa nên anh đã bỏ về quê ở L - Đ, C - L, Phù Cát, Bình Định sinh sống từ tháng 03/2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị K gửi đơn yêu cầu ly hôn anh, anh hoàn toàn đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh thống nhất giữa anh với chị K có 02 con chung như chị K đã trình bày. Nay vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nhận nuôi 01 con là Nguyễn Ngọc B - A – sinh ngày 12/4/2016 (Cháu lớn), để chị K nuôi cháu nhỏ là cháu G, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, anh không đồng ý để chị K nuôi cả 02 con.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị K được ghi ngày 20/7/2020.
- Sổ hộ khẩu của hộ ông Nguyễn Thành X - Cha ruột chị K (Bản phô tô).
- Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị M - K – anh Nguyễn Ngọc T (Bản chính). Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Ngọc B - A – sinh ngày 12/4/2016 và Nguyễn Ngọc Q -G – Sinh ngày 13/5/2018, giấy chứng minh của chị K, anh T (bản phô tô).
- Bản tự khai của chị K, anh T; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

-Xét nội dung vụ án:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị Nguyễn Thị M -K với anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y-Th, TP. P, tỉnh Gia Lai ngày 18/3/2016 – hôn nhân tự nguyện, đúng theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị K – anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị K – anh T sinh sống tại thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên dần sau đó giữa anh, chị đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, sống không còn hạnh phúc nữa, anh T đã bỏ về quê ở Bình Định sinh sống từ tháng 03/2020 dương lịch đến nay, vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Giữa chị K – anh T không ai còn quan tâm đến ai, chị K gửi đơn yêu cầu xin ly hôn anh T, anh T hoàn toàn thống nhất ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh, chị đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 – HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K, cho chị K được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

[2]Về con chung: Giữa chị K với anh T có 02 con chung, đều là con gái, có tên là:

+Nguyễn Ngọc B - A – sinh ngày 12/4/2016

+Nguyễn Ngọc Q - G – sinh ngày: 13/5/2018

Từ khi anh T bỏ chị K về quê Bình Định sinh sống, 02 con ở với mẹ là chị K. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị K tha thiết xin được trực tiếp nuôi 02 con đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đồng ý để chị K nuôi cả 02 con, anh yêu cầu được nuôi 01 con là cháu B - A, để cháu nhỏ là cháu Q - G cho mẹ là chị K nuôi,

không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Như vậy có sự tranh chấp về người trực tiếp nuôi con.

Xét việc tranh chấp nuôi con của các bên, HĐXX thấy rằng: 02 con của chị K – anh T đều là con gái, các cháu còn quá nhỏ, cháu A mới 04 tuổi, cháu G chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần có sự chăm sóc của bàn tay người mẹ. Với lại từ khi anh T bỏ về quê đến nay, hai cháu đã ở với mẹ ổn định, chị K cũng có nghề nghiệp, chị làm nghề tóc, trang điểm cô dâu, có thu nhập kinh tế ổn định, bảo đảm nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con đến khi khôn lớn, trưởng thành. Đối với anh T là đàn ông, dù sao thời gian chăm sóc con cũng không bằng người mẹ. Vì vậy, xét vì quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, căn cứ quy định tại các Điều: 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX quyết định giao 02 cháu A và G cho mẹ là chị K được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị K không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con là anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3]Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị K, anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]Án phí ly hôn: Buộc chị K phải chịu 300.000đồng theo quy định của pháp luật.

[5]Ý kiến của đại diện VKS:

-Về mặt thủ tục tố tụng: Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị K – anh T. Về con chung, đề nghị HĐXX giao 02 cháu A và G cho mẹ là chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với hướng nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51; Khoản 1 Điều 56; các Điều: 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M - K, cho chị Nguyễn Thị M - K được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

[2] Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Ngọc B - A – sinh ngày 12/4/2016 và Nguyễn Ngọc Q - G – sinh ngày: 13/5/2018 cho mẹ là chị K được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T là người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị K – anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Buộc chị K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008836 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát nên được khấu trừ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị K – anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Cát;
- Chi cục T.H.A ds huyện Phù Cát;
- UBND phường Y - Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệp